



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902603

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh

Ngày thi: 23/11/2022

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: T.T. Huyền

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: O.V. Long

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên An	23/09/2004	<u>[Signature]</u>		9.2	Chín hai	C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương Anh	05/04/2004	<u>[Signature]</u>		9.2	Chín hai	C24QT2	
3	2210100051	Nguyễn Thị Kim Cương	12/09/2004	<u>[Signature]</u>		8.6	Tám sáu	C24QT2	
4	2210100030	Nguyễn Thị Thu Dâng	19/10/2004	<u>[Signature]</u>		8.4	Tám bốn	C24QT1	
5	2210100037	Trương Nguyễn Thục Di	09/02/2004	<u>[Signature]</u>		8.4	Tám bốn	C24QT2	
6	2210100064	Quách Xuân Diệu	13/08/2004	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C24QT2	
7	2210100039	Đỗ Hồng Đức	01/01/2003	<u>[Signature]</u>		8.4	Tám bốn	C24QT2	
8	2210100022	Nguyễn Quỳnh Giang	20/05/2004	<u>[Signature]</u>		9.4	Chín bốn	C24QT1	
9	2210100007	Đặng Ngọc Hải	21/09/2003	<u>[Signature]</u>		9.6	Chín sáu	C24QT1	
10	2210100032	Nguyễn Thị Thúy Hằng	15/03/2004	<u>[Signature]</u>		9.8	Chín tám	C24QT1	
11	2210100081	Lê Hoàng Tuyệt Hân	18/07/2004	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C24QT2	
12	2210100054	Ngô Phạm Ngọc Hân	25/09/2004	<u>[Signature]</u>		8.2	Tám hai	C24QT2	
13	2210100001	Huỳnh Hữu Hậu	02/12/2003	<u>[Signature]</u>		7.4	Bảy bốn	C24QT1	
14	2210100066	Trương Thị Cẩm Hiếu	13/06/2004	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C24QT2	
15	2210100067	Lê Thị Thanh Hoa	28/08/2004	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C24QT2	
16	2210100061	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	27/05/2004	<u>[Signature]</u>		8.2	Tám hai	C24QT2	
17	2210100068	Hứa Nhật Huy	20/01/2004	<u>[Signature]</u>		8.6	Tám sáu	C24QT2	
18	2210100011	Nguyễn Thị Như Huỳnh	12/09/2003	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C24QT1	
19	2210100027	Võ Mạnh Huỳnh	10/08/2004	<u>[Signature]</u>		8.8	Tám tám	C24QT1	
20	2210100003	Bùi Thị Diễm Hương	30/12/2002	<u>[Signature]</u>		8.2	Tám hai	C24QT1	
21	2210100062	Mai Thị Ngọc Hương	01/12/2004	<u>[Signature]</u>		7.8	Bảy tám	C24QT2	
22	2210100059	Trương Minh Kha	23/04/2004	<u>[Signature]</u>		9.2	Chín hai	C24QT2	
23	2210100041	Trương Đăng Khoa	02/07/2004	<u>[Signature]</u>		9.4	Chín bốn	C24QT2	
24	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	03/09/2004	<u>[Signature]</u>		10	Mười	C24QT1	
25	2210100069	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/12/2004	<u>[Signature]</u>		7.4	Bảy bốn	C24QT2	
26	2210100019	Trần Nhật Long	23/04/2004	<u>[Signature]</u>		8.6	Tám sáu	C24QT1	
27	2210100044	Tạ Thị Ngọc Mai	15/02/2004	<u>[Signature]</u>		9.8	Chín tám	C24QT2	
28	2210100050	Phan Tiểu Mẫn	29/05/2004	<u>[Signature]</u>		8.8	Tám tám	C24QT2	
29	2210100006	Bùi Trọng Nghĩa	01/01/2001	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C24QT1	
30	2210100087	Đào Thị Bảo Ngọc	01/06/2004	<u>[Signature]</u>		8.4	Tám bốn	C24QT1	
31	2210100047	Hà Thị Mỹ Ngọc	17/04/2004	<u>[Signature]</u>		8.2	Tám hai	C24QT2	
32	2210100012	Nguyễn Kim Ngọc	13/02/2003	<u>[Signature]</u>		7.6	Bảy sáu	C24QT1	
33	2210100016	Trương Thị Mỹ Ngọc	11/08/2004	<u>[Signature]</u>		7.8	Bảy tám	C24QT1	
34	2210100021	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	19/07/2004	<u>[Signature]</u>		7.8	Bảy tám	C24QT1	
35	2210100040	Đỗ Thị Nhi	29/07/2004	<u>[Signature]</u>		8.8	Tám tám	C24QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
36	2210100002	Nguyễn Hồng Nhi	25/08/2002	<i>[Signature]</i>		8.4	Tám bốn	C24QT1	
37	2210100065	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	25/03/2004	<i>[Signature]</i>		6.2	Sáu hai	C24QT2	
38	2210100018	Huỳnh Thị Huyền Nhung	20/03/2004	<i>[Signature]</i>		7	Bảy	C24QT2	
39	2210100063	Nguyễn Thị Oanh	15/01/2004	<i>[Signature]</i>		6	Sáu	C24QT2	
40	2210100058	Lê Kim Phụng	19/06/2003	<i>[Signature]</i>		6	Sáu	C24QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 40 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 40 / 40 .

Số sinh viên đạt: 40 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 11 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tiếng Anh 1

Mã bài thi: 8G9GWJ

Thời gian thi: 23/11/2022 07:45:00

Thời gian kết thúc: 23/11/2022 08:45:00

Giám thị 1: T.V. Long Ký tên: 

Giám thị 2: T.T. Myeun Ký tên: 

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên An	23/09/2004		9.2	Chín, hai	C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương Anh	05/04/2004		9.2	Chín, hai	C24QT2	
3	2210100051	Nguyễn Thị Kim Cương	12/09/2004		8.6	Tám, sáu	C24QT2	
4	2210100030	Nguyễn Thị Thu Dàng	19/10/2004		8.4	Tám, bốn	C24QT1	
5	2210100037	Trương Nguyễn Thục Di	09/02/2004		8.4	Tám, bốn	C24QT2	
6	2210100064	Quách Xuân Diệu	13/08/2004		9	Chín	C24QT2	
7	2210100039	Đỗ Hồng Đức	01/01/2003		8.4	Tám, bốn	C24QT2	
8	2210100022	Nguyễn Quỳnh Giang	20/05/2004		9.4	Chín, bốn	C24QT1	
9	2210100007	Đặng Ngọc Hải	21/09/2003		9.6	Chín, sáu	C24QT1	
10	2210100054	Ngô Phạm Ngọc Hân	25/09/2004		8.2	Tám, hai	C24QT2	
11	2210100081	Lê Hoàng Tuyết Hân	18/07/2004		8	Tám	C24QT2	
12	2210100032	Nguyễn Thị Thủy Hằng	15/03/2004		9.8	Chín, tám	C24QT1	
13	2210100001	Huỳnh Hữu Hậu	02/12/2003		7.4	Bảy, bốn	C24QT1	
14	2210100066	Trương Thị Cẩm Hiếu	13/06/2004		8	Tám	C24QT2	
15	2210100067	Lê Thị Thanh Hoa	28/08/2004		9	Chín	C24QT2	
16	2210100061	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	27/05/2004		8.2	Tám, hai	C24QT2	
17	2210100062	Mai Thị Ngọc Hương	01/12/2004		7.8	Bảy, tám	C24QT2	
18	2210100003	Bùi Thị Diễm Hương	30/12/2002		8.2	Tám, hai	C24QT1	
19	2210100068	Hứa Nhật Huy	20/01/2004		8.6	Tám, sáu	C24QT2	
20	2210100011	Nguyễn Thị Như Huỳnh	12/09/2003		9	Chín	C24QT1	
21	2210100027	Võ Mạnh Huỳnh	10/08/2004		8.8	Tám, tám	C24QT1	
22	2210100059	Trương Minh Kha	23/04/2004		9.2	Chín, hai	C24QT2	
23	2210100041	Trương Đăng Khoa	02/07/2004		9.4	Chín, bốn	C24QT2	
24	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	03/09/2004		10	Mười	C24QT1	
25	2210100069	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/12/2004		7.4	Bảy, bốn	C24QT2	
26	2210100019	Trần Nhật Long	23/04/2004		8.6	Tám, sáu	C24QT1	
27	2210100044	Tạ Thị Ngọc Mai	15/02/2004		9.8	Chín, tám	C24QT2	
28	2210100050	Phan Tiêu Mẫn	29/05/2004		8.8	Tám, tám	C24QT2	
29	2210100006	Bùi Trọng Nghĩa	01/01/2001		9	Chín	C24QT1	
30	2210100016	Trương Thị Mỹ Ngọc	11/08/2004		7.8	Bảy, tám	C24QT1	
31	2210100012	Nguyễn Kim Ngọc	13/02/2003		7.6	Bảy, sáu	C24QT1	
32	2210100047	Hà Thị Mỹ Ngọc	17/04/2004		8.2	Tám, hai	C24QT2	
33	2210100087	Đào Thị Bảo Ngọc	01/06/2004		8.4	Tám, bốn	C24QT1	
34	2210100021	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	19/07/2004		7.8	Bảy, tám	C24QT1	
35	2210100040	Đỗ Thị Nhi	29/07/2004		8.8	Tám, tám	C24QT2	
36	2210100002	Nguyễn Hồng Nhi	25/08/2002		8.4	Tám, bốn	C24QT1	
37	2210100065	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	25/03/2004		6.2	Sáu, hai	C24QT2	
38	2210100018	Huỳnh Thị Huyền Nhung	20/03/2004		7	Bảy	C24QT2	
39	2210100063	Nguyễn Thị Oanh	15/01/2004		6	Sáu	C24QT2	
40	2210100058	Lê Kim Phụng	19/06/2003		6	Sáu	C24QT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 40

Số sinh viên đạt: 40

Ngày ____ tháng ____ năm 2022

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm 2022

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiếng Anh 1 - MH1109026

Mã lớp học phần: MH110902603

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh

Ngày thi: 23/11/2022

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: ĐM Tân

Ký tên: Tân

Giám thị 2: Ngô Tuấn Dũng

Ký tên: Dũng

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100004	Hồ Quang Anh	Khoa	10/05/2001	<u>Khoa</u>		8.8	<u>8.8</u>	C24QT1	
2	2210100057	Lăng Tiến	Quốc	26/01/2004	<u>Tiến</u>		7.8	<u>7.8</u>	C24QT2	
3	2210100045	Phạm Thị Phương	Quyên	25/08/2004	<u>Ph</u>		6.6	<u>6.6</u>	C24QT2	
4	2210100046	Đỗ Ngọc	Son	09/10/2004	<u>Ng</u>		7.8	<u>7.8</u>	C24QT2	
5	2210100036	Trần Thị Phương	Thảo	06/07/2004	<u>Ph</u>		5.4	<u>5.4</u>	C24QT2	
6	2210100023	Võ Thị Thanh	Thảo	16/04/2004	<u>Th</u>		8.6	<u>8.6</u>	C24QT1	
7	2210100017	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	14/01/2004	<u>Th</u>		7.6	<u>7.6</u>	C24QT1	
8	2210100106	Đoàn Hoàng	Thiên	05/04/2004	<u>Ho</u>		7.8	<u>7.8</u>	C24QT1	
9	2210100033	Nguyễn Thị Kim	Thoa	13/08/2004	<u>Kim</u>		8.6	<u>8.6</u>	C24QT2	
10	2210100010	Nguyễn Thị Thu	Thủy	16/11/2002	<u>Th</u>		7.8	<u>7.8</u>	C24QT1	
11	2210100052	Nguyễn Thị Thu	Thủy	03/11/2004	<u>Th</u>		7.8	<u>7.8</u>	C24QT2	
12	2210100031	Dương Thị Cẩm	Thúy	26/09/2004	<u>Th</u>		7.2	<u>7.2</u>	C24QT1	
13	2210100055	Đàm Thị Thanh	Thúy	09/11/2002	<u>Th</u>		7.6	<u>7.6</u>	C24QT2	
14	2210100029	Dương Thị Minh	Thư	15/02/2004	<u>Th</u>		6.4	<u>6.4</u>	C24QT1	
15	2210100113	Đoàn Lê Minh	Thư	08/08/2004	<u>Th</u>		7.4	<u>7.4</u>	C24QT1	
16	2210100008	Lê Thị Mỹ	Tiên	07/12/2001	<u>Th</u>		6.8	<u>6.8</u>	C24QT1	
17	2210100053	Nguyễn Lê Tú	Trân	21/02/2004	<u>Tr</u>		7	<u>7</u>	C24QT1	
18	2210120028	Võ Trần Kim	Tuyền	02/11/2003	<u>Tu</u>		5	<u>5</u>	C24QT1	
19	2210100070	Bùi Ngọc	Tuyết	08/12/2004	<u>B</u>		5.6	<u>5.6</u>	C24QT2	
20	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	05/04/2004	<u>Vi</u>		5.2	<u>5.2</u>	C24QT1	
21	2210100025	Nguyễn Thị Yến	Vi	06/03/2004	<u>Vi</u>		9.6	<u>9.6</u>	C24QT2	
22	2210100048	Phạm Thị Thảo	Vi	20/04/2004	<u>Vi</u>		7.6	<u>7.6</u>	C24QT1	
23	2210100014	Huỳnh Thị Lan	Vy	30/05/2004	<u>Vy</u>		7.8	<u>7.8</u>	C24QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 23 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 23 / _____.

Số sinh viên đạt: 23 Tỷ lệ đạt: 100%

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 11 năm 2022.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

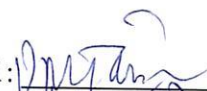
Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

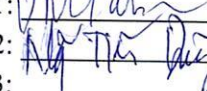
Môn học: Tiếng Anh 1

Mã bài thi: UUPT57

Thời gian thi: 23/11/2022 07:45:00

Thời gian kết thúc: 23/11/2022 08:45:00

Giám thị 1:  Ký tên: 

Giám thị 2:  Ký tên: 

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100004	Hồ Quang Anh Khoa	10/05/2001		8.8	Tám, tám	C24QT1	
2	2210100057	Lăng Tiên Quốc	26/01/2004		7.8	Bảy, tám	C24QT2	
3	2210100045	Phạm Thị Phương Quyên	25/08/2004		6.6	Sáu, sáu	C24QT2	
4	2210100046	Đỗ Ngọc Sơn	09/10/2004		7.8	Bảy, tám	C24QT2	
5	2210100017	Nguyễn Thị Hồng Thắm	14/01/2004		7.6	Bảy, sáu	C24QT1	
6	2210100023	Võ Thị Thanh Thảo	16/04/2004		8.6	Tám, sáu	C24QT1	
7	2210100036	Trần Thị Phương Thảo	06/07/2004		5.4	Năm, bốn	C24QT2	
8	2210100106	Đoàn Hoàng Thiên	05/04/2004		7.8	Bảy, tám	C24QT1	
9	2210100033	Nguyễn Thị Kim Thoa	13/08/2004		8.6	Tám, sáu	C24QT2	
10	2210100029	Dương Thị Minh Thư	15/02/2004		6.4	Sáu, bốn	C24QT1	
11	2210100113	Đoàn Lê Minh Thư	08/08/2004		7.4	Bảy, bốn	C24QT1	
12	2210100055	Đàm Thị Thanh Thúy	09/11/2002		7.6	Bảy, sáu	C24QT2	
13	2210100031	Dương Thị Cẩm Thúy	26/09/2004		7.2	Bảy, hai	C24QT1	
14	2210100052	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/11/2004		7.8	Bảy, tám	C24QT2	
15	2210100010	Nguyễn Thị Thu Thủy	16/11/2002		7.8	Bảy, tám	C24QT1	
16	2210100008	Lê Thị Mỹ Tiên	07/12/2001		6.8	Sáu, tám	C24QT1	
17	2210100053	Nguyễn Lê Tú Trân	21/02/2004		7	Bảy	C24QT1	
18	2210120028	Võ Trần Kim Tuyền	02/11/2003		5	Năm	C24QT1	
19	2210100070	Bùi Ngọc Tuyết	08/12/2004		5.6	Năm, sáu	C24QT2	
20	2210100048	Phạm Thị Thảo Vi	20/04/2004		7.6	Bảy, sáu	C24QT1	
21	2210100025	Nguyễn Thị Yên Vi	06/03/2004		9.6	Chín, sáu	C24QT2	
22	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường Vi	05/04/2004		5.2	Năm, hai	C24QT1	
23	2210100014	Huỳnh Thị Lan Vy	30/05/2004		7.8	Bảy, tám	C24QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 23

Số sinh viên đạt: 23

Ngày ____ tháng ____ năm 2022

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm 2022

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)